

**BÁO CÁO CỦA BAN KIỂM SOÁT
VỀ KẾT QUẢ KINH DOANH CỦA CÔNG TY, KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG CỦA
HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ TỔNG GIÁM ĐỐC**

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông Công ty Cổ phần Thaiholdings

Ban Kiểm soát Công ty Cổ phần Thaiholdings ("**Công ty**") trân trọng báo cáo Đại hội đồng cổ đông ("**DHĐCD**") về kết quả kinh doanh của Công ty, kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị ("**HĐQT**") và Tổng Giám đốc ("**TGD**") như sau:

PHẦN I

**KẾT QUẢ GIÁM SÁT TÌNH HÌNH THỰC HIỆN KẾ HOẠCH
SẢN XUẤT KINH DOANH VÀ TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH NĂM 2023**

I. Thẩm định Báo cáo tài chính riêng và Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2023

- Báo cáo tài chính riêng và Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2023 của Công ty được lập theo các chuẩn mực và chế độ kế toán Việt Nam hiện hành và đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn UHY, đơn vị đã được Ủy ban chứng khoán Nhà nước chấp thuận kiểm toán các Công ty niêm yết.
- Ý kiến của Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn UHY về Báo cáo tài chính riêng và Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2023 của Công ty: Báo cáo tài chính riêng và hợp nhất "*đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Thaiholdings tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính*".

[Phần còn lại của trang này được cố ý để trống]

1. Kết quả kinh doanh của Công ty tại Báo cáo tài chính riêng và hợp nhất:

Đơn vị tính: Đồng

Chỉ tiêu	BCTC riêng		BCTC hợp nhất	
	31/12/2022	31/12/2023	31/12/2022	31/12/2023
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	1.819.098.893.513	1.249.108.266.314	4.112.639.747.243	1.870.236.357.826
Doanh thu hoạt động tài chính	177.388.717.237	24.949.019.515	570.918.008.687	298.162.913.092
Phần lãi hoặc lỗ trong Công ty LDLK			5.173.792.538	21.137.340.780
Thu nhập khác	1.905.434.694	110.132.834.526	12.034.186.775	275.607.806.177
Giá vốn hàng hóa	1.637.816.520.422	1.185.505.142.124	3.803.505.852.254	1.838.402.236.656
Chi phí tài chính	47.832.469.557	15.473.946.621	180.196.326.695	41.349.656.765
Chi phí bán hàng	917.136.348	1.288.656.984	1.618.089.623	1.619.831.873
Chi phí quản lý doanh nghiệp	20.135.126.537	26.091.857.611	281.962.482.745	248.514.681.900
Chi phí khác	2.374.175.830	1.554.824.786	9.629.595.618	8.706.998.944
Lợi nhuận trước thuế	289.317.616.750	154.275.692.229	423.853.388.308	326.551.011.737
Lợi nhuận sau thuế TNDN	231.031.063.448	123.001.570.654	310.304.758.682	224.505.007.760
Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát			60.000.294.365	48.002.022.073

Theo Báo cáo tài chính riêng của Công ty:

- Doanh thu năm 2023 của Công ty đạt 1.249.108.266.314 đồng, so với doanh thu năm 2022 là 1.819.098.893.513 đồng, giảm 31,33% so với cùng kỳ năm 2022.
- Lợi nhuận sau thuế năm 2023 của Công ty đạt 123.001.570.654 đồng, so với lợi nhuận sau thuế năm 2022 là 231.031.063.448 đồng, giảm 46,76% so với cùng kỳ năm 2022.

Nguyên nhân:

- Hoạt động kinh doanh dịch vụ thuê văn phòng năm 2023 là 78,8 tỷ đồng doanh thu so với con số 168,6 tỷ đồng của năm 2022, giảm 53,26% so với cùng kỳ năm 2022. Lợi nhuận gộp từ hoạt động này năm 2023 là 14,9 tỷ đồng so với lợi nhuận gộp năm 2022 là 29,4 tỷ đồng, giảm 49,32% so với cùng kỳ năm 2022.
- Hoạt động kinh doanh thương mại truyền thống năm 2023 đạt 1.170,2 tỷ đồng doanh thu, so với con số 1.650,4 tỷ đồng của năm 2022, giảm 29,1% so với cùng kỳ năm 2022. Lợi nhuận gộp từ hoạt động này năm 2023 là 48,6 tỷ đồng so với lợi nhuận gộp năm 2022 là 151,8 tỷ đồng, giảm 67,98% so với cùng kỳ năm 2022.

Theo Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty:

- Doanh thu và thu nhập khác hợp nhất năm 2023 của Công ty là 2.465.144.417.875 đồng, trong đó doanh thu thuần về bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ 1.870.236.357.826 đồng, doanh thu hoạt động tài chính là 298.162.913.092 đồng, thu nhập khác là 275.607.806.177 đồng, phần lãi trong Công ty liên kết là 21.137.340.780 đồng.
- Tổng chi phí hợp nhất năm 2023 của Công ty là 2.138.593.406.138 đồng, trong đó giá vốn hàng bán là 1.838.402.236.656 đồng, chi phí tài chính là 41.349.656.765 đồng, chi phí bán hàng là 1.619.831.873 đồng, chi phí quản lý doanh nghiệp là 248.514.681.900 đồng, chi phí khác là 8.706.998.944 đồng.
- Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế hợp nhất năm 2023 là 326.551.011.737 đồng, lợi nhuận sau thuế hợp nhất là 224.505.007.760 đồng, trong đó lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát là 48.002.022.073 đồng.

[Phần còn lại của trang này được cố ý để trống]

2. Kết quả giám sát tình hình tài chính riêng và hợp nhất:

Đơn vị tính: Đồng

Chỉ tiêu	BCTC riêng		Tăng/ giảm (%)	BCTC hợp nhất		Tăng/ giảm (%)
	31/12/2022	31/12/2023		31/12/2022	31/12/2023	
TỔNG TÀI SẢN	5.222.445.623.636	4.340.385.265.966	-16,89	8.284.133.210.091	6.755.725.776.131	-18,45
A. Tài sản ngắn hạn	1.081.009.052.927	336.378.852.307	-68,88	2.261.368.505.488	1.660.437.785.226	-26,57
1. Tiền và các khoản tương đương tiền	48.951.016.869	70.560.185.038	+44,14	79.203.619.488	91.053.388.087	+14,96
2. Đầu tư tài chính ngắn hạn	1.778.950		-100,00	6.101.778.950	45.089.054.794	+638,95
3. Các khoản phải thu ngắn hạn	997.113.605.863	251.553.330.257	-74,77	2.091.677.924.252	1.420.938.433.035	-32,07
4. Hàng tồn kho	11.621.425.209		-100,00	43.171.545.585	77.641.331.754	+79,84
5. Tài sản ngắn hạn khác	23.321.226.036	14.265.337.012	-38,83	41.213.637.213	25.715.577.556	-37,6
B. Tài sản dài hạn	4.141.436.570.709	4.004.006.413.659	-3,32	6.022.764.704.603	5.095.287.990.905	-15,4
1. Các khoản phải thu dài hạn	143.829.419.213	94.015.704.745	-34,63	737.750.610.904	711.936.896.436	-3,50
2. Tài sản cố định	2.397.741.797	1.868.123.508	-22,09	32.342.793.043	28.658.352.643	-11,39
3. Bất động sản đầu tư				105.495.281.990	105.495.281.990	+0,00
4. Tài sản dở dang dài hạn		17.138.686.199	+100,00	242.912.208.668	239.616.255.973	-1,36
5. Đầu tư Tài chính dài hạn	3.764.889.628.525	3.772.310.926.192	+0,20	1.788.968.279.304	1.279.990.244.056	-28,45

Chỉ tiêu	BCTC riêng		Tăng/ giảm (%)	BCTC hợp nhất		Tăng/ giảm (%)
	31/12/2022	31/12/2023		31/12/2022	31/12/2023	
6. Tài sản dài hạn khác	230.319.781.174	118.672.973.015	-48,47	3.115.295.530.694	2.729.590.959.807	-12,38
Trong đó lợi thế thương mại				1.589.393.930.390	1.376.979.106.256	-13,36
TỔNG NGUỒN VỐN	5.222.445.623.636	4.340.385.265.966	-16,89	8.284.133.210.091	6.755.725.776.131	-18,45
C. Nợ phải trả	1.113.998.071.647	110.085.011.785	-90,12	2.335.856.051.194	584.092.477.936	-74,99
1. Nợ ngắn hạn	1.059.676.601.137	100.959.211.453	-90,47	1.982.484.878.030	293.502.029.184	-85,2
2. Nợ dài hạn	54.321.470.510	9.125.800.332	-83,20	353.371.173.164	290.590.448.752	-17,77
D. Vốn chủ sở hữu	4.108.447.551.989	4.230.300.254.181	+2,97	5.948.277.158.897	6.171.633.298.195	+3,75
1. Vốn góp của chủ sở hữu	3.500.000.000.000	3.849.999.720.000	+10,00	3.500.000.000.000	3.849.999.720.000	+10,00
2 Thặng dư vốn cổ phần	(248.500.000)	(248.500.000)	+0,00	(248.500.000)	(248.500.000)	+0,00
3. Quỹ đầu tư phát triển		11.488.684.620	+100,00			
4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	608.696.051.989	369.060.349.561	-39,37	1.543.174.925.475	1.357.040.638.080	-12,06
5. Lợi ích cổ đông không kiểm soát				905.350.733.422	953.352.755.495	+5,30

- a. *Tài sản, nguồn vốn trên Báo cáo tài chính riêng của Công ty:*
- Nguồn vốn trên Báo cáo tài chính riêng của Công ty tại thời điểm 31/12/2023 là 4.340.385.265.966 đồng, giảm 16,89% so với ngày 31/12/2022, cụ thể:
 - + Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối giảm 39,37%.
 - + Nợ phải trả giảm 90,12%, trong đó Nợ ngắn hạn giảm 90,47%, Nợ dài hạn giảm 83,2% so với thời điểm 31/12/2022.
 - Tổng tài sản tại ngày 31/12/2023 cũng giảm 16,89% so với 31/12/2022, cụ thể:
 - + Tài sản ngắn hạn giảm 68,88%.
 - + Tài sản dài hạn giảm 3,32%.
 - Công ty đã đầu tư vào công ty con là 3.060.000.000.000 đồng, đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác là 779.489.620.000 đồng.
 - Công ty đã trích lập dự phòng đầu tư tài chính dài hạn với số tiền 67.178.693.808 đồng.
 - Tại ngày 31/12/2023, Công ty không còn Các khoản nợ vay và nợ thuê tài chính.
- b. *Tài sản, nguồn vốn trên Báo cáo tài chính Hợp nhất của Công ty:*
- Nguồn vốn trên Báo cáo tài chính Hợp nhất Công ty tại thời điểm 31/12/2023 là 6.755.725.776.131 đồng, giảm 18,45% so với ngày 31/12/2022, cụ thể:
 - + Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối giảm 12,06%, Lợi ích cổ đông không kiểm soát tăng 5,3%.
 - + Nợ phải trả giảm 74,99%, trong đó Nợ ngắn hạn giảm 85,2%, Nợ dài hạn giảm 17,77 so với đầu năm.
 - Tổng tài sản tại ngày 31/12/2023 cũng giảm 18,45% so với ngày 31/12/2022, cụ thể:
 - + Tài sản ngắn hạn giảm 26,57%.
 - + Tài sản dài hạn giảm 15,4%.
- Tại ngày 31/12/2023, Công ty không còn Các khoản nợ vay và nợ thuê tài chính.
- Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn và dài hạn tại 31/12/2023:
 - + Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn là: 8.746.483.024 đồng.
 - + Doanh thu chưa thực hiện dài hạn là: 0 đồng.
- Doanh thu chưa thực hiện là tiền cho thuê văn phòng nhận trước của tòa nhà văn phòng làm việc cho thuê tại số 210 Trần Quang Khải và 17 Tông Đản Hà Nội và tiền cho thuê tại Khách sạn Kim Liên.
- Đầu tư tài chính tại ngày 31/12/2023:
 - + Đầu tư tài chính ngắn hạn: 45.089.054.794 đồng.
 - + Đầu tư tài chính dài hạn: 1.279.990.244.056 đồng.
 - Quản lý tài sản xây dựng cơ bản dở dang: số dư tại ngày 31/12/2023: 239.616.255.973 đồng, trong đó Dự án Cảng Ninh Phúc: 207.151.432.454 đồng, Dự án Khu phức hợp Kim Liên: 32.464.823.519 đồng.

- Chi phí trả trước dài hạn: số dư tại ngày 31/12/2023: 1.352.611.853.551 đồng. Trong đó lợi thế kinh doanh quyền thuê đất của Công ty Cổ phần Du lịch Kim Liên: 1.233.726.153.046 đồng, chi phí thuê văn phòng tại 210 Trần Quang Khải và 17 Tông Đản Hà Nội: 102.707.279.684 đồng, chi phí thuê văn phòng tại 2B Lê Phụng Hiểu: 15.413.123.119 đồng, công cụ dụng cụ xuất dùng: 224.939.321 đồng, chi phí sửa chữa, cải tạo tài sản: 381.656.811 đồng, các khoản khác: 158.701.570 đồng.
- Lợi thế thương mại: số dư tại ngày 31/12/2023 là 1.376.979.106.256 đồng.

c. Báo cáo tình hình tăng giảm vốn điều lệ

Trong năm, triển khai thực hiện Nghị quyết số 01/2023/NQ-ĐHĐCĐ/THD ngày 27/04/2023 của ĐHĐCĐ thường niên năm 2023, Công ty đã tiến hành phát hành cổ phiếu để trả cổ tức năm 2022 và tăng vốn điều lệ của Công ty, theo đó vốn điều lệ của Công ty tại ngày 31/12/2023 là 3.849.999.720.000 đồng.

d. Đầu tư vào Công ty Con

Tên công ty	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Hoạt động kinh doanh chính
Công ty CP - Tập đoàn Thaingroup	Ninh Bình	81,6%	81,6%	Kinh doanh vật liệu xây dựng và máy móc thiết bị
Công ty Cổ phần Du lịch Kim Liên (*)	Hà Nội	59,98%	69,63%	Du lịch, khách sạn

(*) Công ty con của Công ty CP - Tập đoàn Thaingroup

Tại ngày 31/12/2022, tỷ lệ biểu quyết trực tiếp và gián tiếp của Công ty tại Công ty Cổ phần Du lịch Kim Liên là 17,2% và 52,43%.

e. Đầu tư vào Công ty Liên doanh, Liên kết

Tên công ty	Địa chỉ	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Hoạt động kinh doanh chính
Công ty Cổ phần Tôn Đản Hà Nội	Hà Nội	44,23%	49,81%	Kinh doanh bất động sản
Công ty Cổ phần Enclave Phú Quốc	Kiên Giang	39,98%	49,00%	Dịch vụ nghỉ dưỡng khách sạn
Công ty Cổ phần Bình Minh Group	Hà Nội	18,55%	22,73%	Kinh doanh bất động sản

f. Mua bán, thay đổi các khoản đầu tư tại các Công ty thành viên

Theo Nghị quyết Hội đồng quản trị số 09.6/2023/NQ-HĐQT/TGR ngày 09/06/2023 của Công ty CP - Tập đoàn Thaingroup ("**Thaingroup**") về việc thông qua phương án chuyển nhượng cổ phần của Công ty sở hữu tại Công ty Cổ phần Bình Minh Group,

Thaigroup thực hiện chuyển nhượng 2.000.000 cổ phần của Công ty Cổ phần Bình Minh Group với ông Nguyễn Văn Hà theo Hợp đồng chuyển nhượng cổ phần số 14.6/2023/HĐCNCP-BM.TGR-NVH ngày 14/06/2023, giá chuyển nhượng là 220 tỷ đồng, tương ứng 110.000 đồng/cổ phần trên cơ sở Thông báo tư vấn giá trị cổ phần/cổ phiếu số 24406-01/2023/TB-TA ngày 06/06/2023 của Công ty thẩm định giá độc lập, giá trị 01 cổ phần của Công ty Cổ phần Bình Minh Group là 109.800 đồng/cổ phần.

3. Một số chỉ tiêu tài chính

Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Năm 2022	Năm 2023
Cơ cấu tài sản			
- Tài sản ngắn hạn/tổng tài sản	%	27,30%	24,58%
- Tài sản dài hạn/tổng tài sản	%	72,70%	75,42%
Cơ cấu nguồn vốn			
- Nợ phải trả/tổng nguồn vốn	%	28,20%	8,65%
- Nguồn vốn chủ sở hữu/tổng nguồn vốn	%	71,80%	91,35%
Khả năng thanh toán			
- Khả năng thanh toán nợ ngắn hạn (tài sản ngắn hạn/nợ ngắn hạn)	Lần	1,14	5,66
- Khả năng thanh toán nhanh	Lần	1,12	5,39
Tỷ suất sinh lời			
- LN sau thuế/Doanh thu thuần (ROS)	%	7,55%	12,00%
- LN sau thuế/Tổng Tài sản (ROA)	%	3,75%	3,32%
- LN sau thuế/Vốn chủ sở hữu (ROE)	%	5,22%	3,64%

- *Cơ cấu tài sản của Công ty:* tỷ trọng Tài sản ngắn hạn/Tổng tài sản năm 2023 giảm so với năm 2022, cơ cấu tài sản của Công ty thay đổi theo hướng giảm tỷ trọng tài sản ngắn hạn, tăng tỷ trọng tài sản dài hạn.
- *Cơ cấu nguồn vốn của Công ty:*
 - + Hệ số nợ giảm thể hiện khoản nợ phải trả giảm do Công ty đã trả tiền vay ngân hàng.
 - + Hệ số tài trợ (Nguồn vốn chủ sở hữu/tổng nguồn vốn) tăng phản ánh khả năng tự chủ của doanh nghiệp về tài chính tốt hơn so với năm 2022.

- + *Khả năng thanh toán nợ ngắn hạn tăng từ lên 1.14 lên 5,66 và Khả năng thanh toán nhanh của Công ty cũng tăng từ 1,12 lên 5,39 phản ánh khả năng tài chính để trả các khoản nợ ngắn hạn của Công ty tốt hơn năm 2022.*
- + *Khả năng sinh lời của Công ty thông qua chỉ số ROS năm 2023 tăng từ 7,55% năm 2022 lên 12% năm 2023 cho thấy khả năng sinh lời của doanh thu đã được cải thiện.*
- + *Hiệu quả sử dụng tài sản thông qua chỉ số ROA năm 2023 giảm nhẹ so với năm 2022 (từ 3,75% xuống 3,32%) cho thấy mức độ hiệu quả khi sử dụng tài sản của Công ty bị giảm sút.*
- + *Chỉ số ROE năm 2023 tiếp tục giảm từ 5,22% của năm 2022 xuống 3,64% thể hiện Công ty đang quản lý và sử dụng chưa hiệu quả nguồn vốn tự có.*

II. Thù lao Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát

- Theo Kế hoạch ngân sách năm 2023, thù lao HĐQT và Ban Kiểm soát là: 492.000.000 đồng.
- Năm 2023, Tổng quỹ lương của Công ty là 13.200.783.781 đồng, trong đó Lương Tổng giám đốc là 969.926.078 đồng, thù lao HĐQT và Ban kiểm soát là 475.000.000 đồng.

PHẦN II

NHẬN XÉT VÀ KIẾN NGHỊ

I. Đánh giá việc thực hiện kế hoạch năm 2023

Năm 2023, HĐQT luôn quan tâm chỉ đạo và giám sát Ban TGD về việc thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh, huy động và quản lý nguồn vốn đầu tư.

Chủ tịch HĐQT thường xuyên tham gia các cuộc họp giao ban hàng tháng để nắm rõ tình hình kinh doanh và có ý kiến chỉ đạo, định hướng cũng như giải quyết những đề xuất, kiến nghị trong hoạt động kinh doanh của Công ty.

Tuy nhiên, do tình hình kinh doanh khó khăn chung của cả nền kinh tế nên năm 2023 tình hình kinh doanh của Công ty bị giảm sút, các chỉ tiêu đều không đạt kế hoạch.

II. Kết quả giám sát hoạt động của Hội đồng quản trị và Ban điều hành

Ban kiểm soát đã tham dự một số cuộc họp với vai trò giám sát viên để nắm tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh và tham gia đóng góp ý kiến với trách nhiệm và quyền hạn của Ban kiểm soát.

Trong năm 2023, HĐQT đã họp và ban hành 31 Nghị quyết. Trong đó ngày 30/01/2023, HĐQT đã ban hành Nghị quyết Thành lập Ban kiểm toán nội bộ. Việc này sẽ giúp củng cố hoạt động quản trị rủi ro trong các hoạt động kinh doanh và đầu tư của Công ty.

Ban TGD và các cán bộ quản lý đã triển khai thực thi các Nghị quyết của ĐHĐCĐ

thường niên năm 2023 và thực hiện các Nghị quyết của HĐQT.

III. Đánh giá sự phối hợp hoạt động giữa Ban Kiểm soát với Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc và cổ đông

Năm 2023, Ban Kiểm soát đã được HĐQT, Ban TGD tạo điều kiện để Ban Kiểm soát thực hiện chức năng nhiệm vụ quy định tại Điều lệ Công ty và Quy chế hoạt động của Ban Kiểm soát.

Trong năm 2023, Ban Kiểm soát không nhận được bất kỳ kiến nghị nào của cổ đông về vi phạm của HĐQT, Ban TGD và các cán bộ quản lý Công ty trong quá trình thực hiện nhiệm vụ.

IV. Kiến nghị

Sau quá trình làm việc nghiêm túc, trên cơ sở các tài liệu được cung cấp, Ban Kiểm soát kiến nghị Công ty các vấn đề sau:

1. Tính toán xem xét tính hiệu quả của các khoản đầu tư, trong bối cảnh kinh tế khó khăn, nếu cần thiết có thể thu hẹp các khoản đầu tư để bảo toàn vốn cho Công ty.
2. Tính toán xem xét tính hiệu quả của các phương án kinh doanh truyền thống, tìm kiếm các Phương án kinh doanh mới để tăng doanh thu và lợi nhuận cho Công ty.
3. Đôn đốc thu hồi các khoản phải thu, ứng trước tiền trong đầu tư tài chính, kinh doanh thương mại, tránh để công nợ kéo dài.
4. Các khoản chi cần tuân thủ các quy định về chế độ kế toán.
5. Xây dựng quy định về thẩm quyền phê duyệt vốn đầu tư, vốn trong hoạt động kinh doanh của HĐQT và TGD.
6. Rà soát, chỉnh sửa quy trình kiểm tra, luân chuyển chứng từ kế toán.
7. Đào tạo nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ cho cán bộ quản lý và cán bộ nghiệp vụ.
8. Xây dựng và ban hành Quy chế trả lương áp dụng trong năm 2024.
9. Nâng cấp, ứng dụng hệ thống công nghệ thông tin vào điều hành kinh doanh, quảng bá thương hiệu.

Trên đây là Báo cáo của Ban Kiểm soát về kết quả kinh doanh của Công ty, kết quả hoạt động của HĐQT và TGD.

Trân trọng cảm ơn!

Nơi nhận:

- Như Kinh gửi;
- CBTT;
- Lưu: BKS, Ban HCNS, BPC.

**TM. BAN KIỂM SOÁT
TRƯỞNG BAN**

Nguyễn Thu Vân